

BÁO CÁO

KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 330/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/09/2025).

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.
- Tên viết tắt: Tập đoàn DIC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 15 Thi Sách, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0254. 3859248 Số fax: 0254. 3560712 Website: www.dic.vn
- Vốn điều lệ: 6.464.311.910.000 đồng.
- Mã cổ phiếu ("CP"): **DIG**.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu. Số hiệu tài khoản: 7600000107.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 3500101107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 13/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 27/06/2025 do Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.

II. Phương án chào bán

- Tên CP: CP Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.
- Loại CP: CP phổ thông.
- Số lượng CP chào bán: 150.000.000 CP, trong đó:
 - Số lượng CP Tổ chức phát hành chào bán: 150.000.000 CP.
 - Số lượng CP cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 CP.
- Giá chào bán: 12.000 đồng/CP.
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 1.800.000.000.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 1.800.000.000.000 đồng.

- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
- 6. Phương thức phân phối: Thông qua việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.
- 7. Thời gian đăng ký mua và nộp tiền:
 - Đối với cổ đông hiện hữu: Thực hiện đăng ký và nộp tiền mua CP từ ngày 20/10/2025 đến ngày 14/11/2025.
 - Đối với nhà đầu tư được phân phối lại số CP chưa phân phối hết của đợt chào bán: Thực hiện nộp tiền mua CP từ ngày 04/12/2025 đến ngày 12/12/2025.
- 8. Ngày kết thúc đợt chào bán: 12/12/2025.
- 9. Ngày dự kiến chuyển giao CP: Dự kiến trong tháng 12/2025- tháng 01/2026 sau khi Tập đoàn DIC hoàn tất thủ tục đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung CP tại Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

III. Kết quả chào bán CP

- Tổng hợp kết quả chào bán:

Đối tượng mua CP	Giá chào bán (đồng/CP)	Số CP chào bán	Số CP được đăng ký mua	Số CP được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số CP còn lại	Tỷ lệ CP được phân phối (***)
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán CP cho cổ đông hiện hữu	12.000	150.000.000	128.152.511	128.152.511	45.378	45.378	0	21.847.489	85,44%
2. Xử lý CP không phân phối hết	12.000	21.847.489	21.847.489	21.847.489	227(*)	227	0	0	14,56%
Tổng số		150.000.000	150.000.000	150.000.000	45.528	45.528	0	0	100%
1. Nhà đầu tư trong nước	12.000	144.162.246	144.518.466 (**)	144.518.466	45.387	45.387	0	0	96,35%
2. Nhà đầu tư nước ngoài	12.000	5.837.754	5.481.534	5.481.534	141	141	0	0	3,65%
Tổng số		150.000.000	150.000.000	150.000.000	45.528	45.528	0	0	100%

(*) Số CP không phân phối hết đã được HĐQT Tập đoàn DIC quyết định phân phối lại cho các đối tượng khác theo Nghị quyết số 123/NQ-DIC Group- HĐQT ngày 04/12/2025 và Nghị quyết số 124/NQ-DIC Group- HĐQT ngày 12/12/2025 của HĐQT. Trong danh sách 227 nhà đầu tư được phân phối có 77 nhà đầu tư đã thực hiện mua CP theo quyền mua của cổ đông hiện hữu.

(**) Số lượng CP nhà đầu tư trong nước đăng ký mua là 144.518.466 CP bao gồm:

- Số CP đăng ký mua theo phương thức thực hiện quyền và nhận chuyển nhượng quyền mua là: 122.670.977 CP.
- Số CP đăng ký mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết là: 21.847.489 CP (bao gồm CP lẻ phát sinh khi làm tròn xuống hàng đơn vị, CP còn lại do cổ đông hiện hữu không



đặt mua hết; số CP chênh lệch phát sinh giữa số lượng CP chào bán và số lượng CP thực tế phát hành theo tỷ lệ thực hiện quyền mua).

(***) Tỷ lệ CP được phân phối được xác định: Số CP được phân phối (cột 5) chia tổng số CP đăng ký chào bán (150.000.000 CP).

- Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.
- Đối với việc phân phối CP chưa phân phối hết cho các nhà đầu tư:
Tập đoàn DIC đính kèm báo cáo Phụ lục I trong đó có trình bày thông tin về số CP, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất và thông tin về tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán CP

1. Tổng số CP đã phân phối: 150.000.000 CP, tương ứng 100 % tổng số CP chào bán, trong đó:
 - Số lượng CP của Tổ chức phát hành: 150.000.000 CP.
 - Số lượng CP của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 CP.
2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.800.000.000.000 đồng, trong đó:
 - Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 1.800.000.000.000 đồng;
 - Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 đồng.
3. Tổng chi phí: 435.740.000 đồng.
 - Phí tư vấn phát hành: 330.000.000 đồng.
 - Phí đăng báo: 11.340.000 đồng.
 - Phí chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua CP: 15.400.000 đồng.
 - Phí cấp giấy chứng nhận chào bán CP: 25.000.000 đồng.
 - Phí kiểm toán vốn: 54.000.000 đồng.
4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 1.799.564.260.000 đồng.

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

1. Cơ cấu vốn

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông (*)	Số CP sở hữu (**)	Giá trị CP sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước	77.529	765.786.343	7.657.863.430.000	96,15%
1.1	Nhà nước				
1.2	Tổ chức	91	11.139.315	111.393.150.000	1,40%
1.3	Cá nhân	77.438	754.647.028	7.546.470.280.000	94,75%



TT	Danh mục	Số lượng cổ đông (*)	Số CP sở hữu (**)	Giá trị CP sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
2	Nước ngoài	286	30.644.848	306.448.480.000	3,85%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	45	28.281.635	282.816.350.000	3,55%
2.2	Cá nhân	241	2.363.213	23.632.130.000	0,30%
	Tổng cộng (1 + 2)	77.815	796.431.191	7.964.311.910.000	100,00%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông sáng lập				
2	Cổ đông lớn	1	70.646.605	706.466.050.000	8,87%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số CP có quyền biểu quyết	77.814	725.784.586	7.257.845.860.000	91,13%
	Tổng cộng (2 + 3)	77.815	796.431.191	7.964.311.910.000	100,00%

(*)(**) Số lượng cổ đông, số lượng CP sở hữu tính theo Danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 10/10/2025; danh sách nộp tiền mua CP của cổ đông hiện hữu đến hết ngày 14/11/2025 và cập nhật bổ sung danh sách nhà đầu tư đã thực hiện mua CP được phân phối lại theo quyết định của HĐQT Tập đoàn DIC. Trong danh sách 227 nhà đầu tư được phân phối CP chưa phân phối hết theo quyết định của HĐQT Tập đoàn DIC có 100 nhà đầu tư đã có trong danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 10/10/2025 do VSDC cấp.

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Căn cước công dân	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hùng Cường		70.646.605	8,87%

VI. Tài liệu gửi kèm

- Văn bản của ngân hàng xác nhận số dư tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua CP phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2025 của Tập đoàn DIC.
- Văn bản số 125/DIC Group-HĐQT ngày 15/12/2025 v/v giải trình số dư tài khoản phong tỏa.
- Biên bản họp số 126/BB-DIC Group-HĐQT của HĐQT Tập đoàn DIC ngày 04/12/2025 v/v thông qua kết quả phân phối và phương án xử lý số lượng CP chưa phân phối hết trong đợt chào bán thêm CP ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Nghị quyết số 123/NQ-DIC Group-HĐQT của HĐQT Tập đoàn DIC v/v thông qua kết quả phân phối và phương án xử lý số lượng CP chưa phân phối hết trong đợt chào bán thêm CP ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Nghị quyết số 124/NQ-DIC Group-HĐQT ngày 12/12/2025 của HĐQT Tập đoàn DIC v/v thông qua điều chỉnh danh sách nhà đầu tư được phân phối CP theo Nghị



quyết số 123/NQ-DIC Group-HĐQT ngày 04/12/2025 trong đợt chào bán thêm CP ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

- Nghị quyết số 125/NQ-DIC Group-HĐQT ngày 15/12/2025 của HĐQT Tập đoàn DIC v/v thông qua kết quả chào bán thêm CP ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban điều hành;
- VSDC;
- HOSE;
- Ban KT; TCNS;
- Lưu: VT; ĐTTC&IR.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Hùng Cường



PHỤ LỤC I

THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC PHÂN PHỐI LẠI THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT SỐ 123/NQ-DIC GROUP-HĐQT NGÀY 04/12/2025 VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT SỐ 124/NQ-DIC GROUP-HĐQT NGÀY 12/12/2025

(Đính kèm báo cáo kết quả đợt chào bán CP ra công chúng số 126/DIC Group-HĐQT ngày 15/12/2025)

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HĐQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HĐQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
1	Công đoàn cơ sở Văn phòng Tập đoàn DIC		-	0,00%	-	2.000.000	0,31%	0,31%	2.000.000	0,25%
		Nguyễn Thị Kim Nhung	1	0,00%	-	94.000	0,01%	0,01%	94.032	0,01%
	Công đoàn cơ sở Văn phòng Tập đoàn DIC và Người liên quan		1	0,00%	-	2.094.000	0,32%	0,32%	2.094.032	0,26%
2	Nguyễn Quang Tín		-	0,00%	1.062	496.783	0,08%	0,08%	502.423	0,06%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0,00%	-	65.000	0,01%	0,01%	65.000	0,01%
		Nguyễn Thị Kim Tảo	-	0,00%	-	60.000	0,01%	0,01%	60.000	0,01%
	Nguyễn Quang Tín và Người liên quan		-	0,00%	1.062	771.783	0,12%	0,12%	777.423	0,10%
3	Trần Văn Đạt		13	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.244	0,02%
4	Nguyễn Văn Tùng		-	0,00%	-	18.000	0,00%	0,00%	18.002	0,00%
5	Nguyễn Tuấn Liêm		1.200	0,00%	4.920	68.000	0,01%	0,01%	94.128	0,01%
6	Phạm Văn Thái		-	0,00%	-	118.000	0,02%	0,02%	118.000	0,01%
7	Bùi Văn Sự		2.448	0,00%	10.035	150.000	0,02%	0,03%	160.035	0,02%
8	Bùi Nguyễn Thăng Long		2.427	0,00%	10.692	83.500	0,01%	0,01%	140.281	0,02%
9	Nguyễn Trọng Nghĩa		-	0,00%	-	26.800	0,00%	0,00%	26.800	0,00%
10	Lê Thu Trang		300	0,00%	116	26.600	0,00%	0,00%	27.216	0,00%
11	Lê Quang Hùng		-	0,00%	-	62.000	0,01%	0,01%	62.000	0,01%
12	Trần Thị Lam		-	0,00%	-	35.000	0,01%	0,01%	35.500	0,00%
13	Nguyễn Chiến Thắng		-	0,00%	-	26.600	0,00%	0,00%	26.600	0,00%
14	Phan Như Toàn		4	0,00%	-	100.000	0,02%	0,02%	100.000	0,01%
15	Trần Ngọc Trâm		-	0,00%	-	14.000	0,00%	0,00%	14.000	0,00%
16	Lê Thị Khánh Hương		-	0,00%	1	24.000	0,00%	0,00%	24.006	0,00%
17	Võ Thành Vinh		1	0,00%	-	38.000	0,01%	0,01%	38.025	0,00%
18	Phan Thị Quỳnh Trang		-	0,00%	-	95.000	0,01%	0,01%	95.000	0,01%
19	Bùi Đỗ Anh Đức		-	0,00%	-	40.000	0,01%	0,01%	40.006	0,01%
20	Lưu Bạch Yến		51	0,00%	-	107.000	0,02%	0,02%	109.071	0,01%
21	Diệp Thị Ngọc Lan		3	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.069	0,00%
		Diệp Quang Tú	38.231	0,01%	-	-	0,00%	0,01%	675.428	0,08%
		Nguyễn Thị Thanh Huyền	819.974	0,13%	1.604.269	-	0,25%	0,38%	16.090.492	2,02%
	Diệp Thị Ngọc Lan và Người liên quan		858.208	0,14%	1.604.269	4.000	0,25%	0,39%	16.769.989	2,11%
22	Phạm Thanh Duy		6	0,00%	-	33.000	0,01%	0,01%	33.006	0,00%
23	Vũ Đình Dung		970	0,00%	3.977	30.000	0,01%	0,01%	51.121	0,01%
24	Nguyễn Thị Thanh Thảo		-	0,00%	-	65.000	0,01%	0,01%	65.000	0,01%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
		Nguyễn Quang Tín	-	0,00%	1.062	496.783	0,08%	0,08%	502.423	0,06%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HDQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HDQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
		Nguyễn Thị Kim Táo	-	0,00%	-	60.000	0,01%	0,01%	60.000	0,01%
	Nguyễn Thị Thanh Thảo và Người liên quan		-	0,00%	1.062	771.783	0,12%	0,12%	777.423	0,10%
25	Ngô Thị Bích Thảo		-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
26	Trịnh Quang Hưng		-	0,00%	-	2.500	0,00%	0,00%	2.500	0,00%
27	Phan Nguyễn Trúc Linh		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
28	Nguyễn Trung Dũng		80	0,00%	329	20.000	0,00%	0,00%	21.751	0,00%
29	Nguyễn Xuân Hòa		961	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.081	0,01%
30	Trần Thức Dương		339	0,00%	1.392	10.000	0,00%	0,00%	17.394	0,00%
31	Phạm Văn Hồng		292	0,00%	1.199	6.000	0,00%	0,00%	12.371	0,00%
32	Trịnh Hùng Chiến		-	0,00%	46	25.000	0,00%	0,00%	25.254	0,00%
33	Huỳnh Đình Vân		1.206	0,00%	1	105.000	0,02%	0,02%	105.007	0,01%
34	Nguyễn Thành Thái		-	0,00%	-	15.000	0,00%	0,00%	15.010	0,00%
35	Kim Văn Đăng		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
36	Phan Quang Tuyền		5	0,00%	-	500	0,00%	0,00%	594	0,00%
37	Trần Thị Lan		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.010	0,00%
38	Nguyễn Văn Dũng		-	0,00%	-	25.000	0,00%	0,00%	25.000	0,00%
39	Đỗ Võ Mạnh Hùng		-	0,00%	-	156.600	0,02%	0,02%	156.600	0,02%
40	Bùi Thị Nghiêm Trang		37	0,00%	154	44.000	0,01%	0,01%	44.818	0,01%
41	Nguyễn Thị Kim Nhung		1	0,00%	-	94.000	0,01%	0,01%	94.032	0,01%
		Công đoàn cơ sở Văn phòng Tập đoàn DIC	-	0,00%	-	2.000.000	0,31%	0,31%	2.000.000	0,25%
	Nguyễn Thị Kim Nhung và Người liên quan		1	0,00%	-	2.094.000	0,32%	0,32%	2.094.032	0,26%
42	Hoàng Thị Thanh Thủy		252	0,00%	1.995	30.000	0,00%	0,00%	40.595	0,01%
		Phạm Trần Vũ Hoàng	54	0,00%	232	30.000	0,00%	0,00%	31.233	0,00%
	Hoàng Thị Thanh Thủy và Người liên quan		306	0,00%	2.227	60.000	0,01%	0,01%	71.828	0,01%
43	Lê Xuân Ngọc		-	0,00%	-	7.000	0,00%	0,00%	7.000	0,00%
44	Nguyễn Thị Kim Táo		-	0,00%	-	60.000	0,01%	0,01%	60.000	0,01%
		Nguyễn Quang Tín	-	0,00%	1.062	496.783	0,08%	0,08%	502.423	0,06%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0,00%	-	65.000	0,01%	0,01%	65.000	0,01%
	Nguyễn Thị Kim Táo và Người liên quan		-	0,00%	1.062	771.783	0,12%	0,12%	777.423	0,10%
45	Trần Thị Thu		600	0,00%	7.493	79.000	0,01%	0,01%	118.793	0,01%
		Phan Hoàng Long	-	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.000	0,00%
	Trần Thị Thu và Người liên quan		600	0,00%	7.493	83.000	0,01%	0,01%	122.793	0,02%
46	Đào Thanh Xuân		-	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.000	0,00%
47	Nguyễn Trần Phương Linh		-	0,00%	-	12.000	0,00%	0,00%	12.000	0,00%
48	Hoàng Thị Trang Châu Long		-	0,00%	6.960	6.000	0,00%	0,00%	42.960	0,01%
49	Phạm Thị Hồng Bích		102	0,00%	232	10.000	0,00%	0,00%	11.232	0,00%
50	Phan Thanh Nữ Diệu Trang		974	0,00%	3.529	68.000	0,01%	0,01%	86.743	0,01%
51	Nguyễn Thị Kiều Trang		-	0,00%	-	6.000	0,00%	0,00%	6.000	0,00%
52	Lê Thành Hưng		300	0,00%	1.392	56.600	0,01%	0,01%	63.992	0,01%
		Lê Thị Thanh Thảo	840	0,00%	1.160	10.000	0,00%	0,00%	16.160	0,00%
	Lê Thành Hưng và Người liên quan		1.140	0,00%	2.552	66.600	0,01%	0,01%	80.152	0,01%
53	Hoàng Thị Hà		900	0,00%	3.691	506.600	0,08%	0,08%	526.201	0,07%
54	Phạm Thị Vân		120	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HDQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HDQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
55	Vũ Đức Kiên		-	0,00%	-	700.500	0,11%	0,11%	700.500	0,09%
56	Nguyễn Thị Mai		204	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
57	Lê Phương Thảo		60	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
58	Hoàng Minh Việt		156	0,00%	246	12.706	0,00%	0,00%	14.014	0,00%
59	Nguyễn Thị Kim Oanh		198	0,00%	742	20.000	0,00%	0,00%	23.949	0,00%
60	Trần Ngọc Hân		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
61	Hoàng Bảo Châu		128	0,00%	735	10.000	0,00%	0,00%	13.907	0,00%
62	Nguyễn Thị Thanh Hương		-	0,00%	-	511.000	0,08%	0,08%	511.000	0,06%
63	Vũ Thị Phương Thảo		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
64	Lê Văn Nam		-	0,00%	-	240.000	0,04%	0,04%	240.000	0,03%
65	Nguyễn Thị Hiền		874	0,00%	102	111.000	0,02%	0,02%	111.543	0,01%
66	Bùi Thị Thanh Mỹ		2.262	0,00%	7.663	124.000	0,02%	0,02%	164.739	0,02%
		Bùi Thị Thanh Phương	294	0,00%	-	25.000	0,00%	0,00%	25.000	0,00%
	Bùi Thị Thanh Mỹ và Người liên quan		2.556	0,00%	7.663	149.000	0,02%	0,02%	189.739	0,02%
67	Hà Huy Trọng		-	0,00%	-	19.000	0,00%	0,00%	19.000	0,00%
68	Nguyễn Xuân Thanh		-	0,00%	-	12.000	0,00%	0,00%	12.000	0,00%
69	Trần Quốc Chung		90	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
70	Vương Đức Đại		-	0,00%	-	40.000	0,01%	0,01%	40.000	0,01%
71	Trần Thanh Hiệp		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
72	Lê Trương Tường Vi		240	0,00%	464	70.000	0,01%	0,01%	72.464	0,01%
73	Phạm Thế Anh		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
74	Phạm Thị Hằng Thu		-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
75	Phan Ngọc Phương		174	0,00%	250	30.000	0,00%	0,00%	31.334	0,00%
76	Hoàng Phan Thùy Trang		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
77	Vũ Thị Ngọc Quỳnh		-	0,00%	-	15.000	0,00%	0,00%	15.000	0,00%
78	Trần Nữ Hoàng Hải Yến		54	0,00%	223	30.000	0,00%	0,00%	31.186	0,00%
79	Lê Thị Diệu Hương		-	0,00%	-	31.600	0,00%	0,00%	31.600	0,00%
80	Nguyễn Lê Cẩm Anh		120	0,00%	-	24.000	0,00%	0,00%	24.000	0,00%
81	Phạm Hồng Giang		-	0,00%	-	14.000	0,00%	0,00%	14.000	0,00%
82	Phạm Trần Vũ Hoàng		54	0,00%	232	30.000	0,00%	0,00%	31.233	0,00%
		Hoàng Thị Thanh Thúy	252	0,00%	1.995	30.000	0,00%	0,00%	40.595	0,01%
	Phạm Trần Vũ Hoàng và Người liên quan		306	0,00%	2.227	60.000	0,01%	0,01%	71.828	0,01%
83	Vũ Mạnh Cường		-	0,00%	464	5.000	0,00%	0,00%	7.464	0,00%
84	Mai Thái Sơn		36	0,00%	255	6.000	0,00%	0,00%	7.355	0,00%
85	Bùi Trung Kiên		75	0,00%	310	10.000	0,00%	0,00%	11.649	0,00%
86	Nguyễn Công Toại		9	0,00%	37	22.000	0,00%	0,00%	22.197	0,00%
87	Nguyễn Thị Phương Hồng		138	0,00%	278	6.000	0,00%	0,00%	7.478	0,00%
88	Hoàng Minh Lợi		30	0,00%	116	5.000	0,00%	0,00%	5.616	0,00%
89	Vũ Văn Tín		-	0,00%	-	8.000	0,00%	0,00%	8.000	0,00%
90	Nguyễn Việt Dũng		126	0,00%	1.508	109.500	0,02%	0,02%	117.508	0,01%
91	Lê Thị Luận		180	0,00%	464	30.000	0,00%	0,00%	32.464	0,00%
92	Trần Trường Sơn		5	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.089	0,00%
93	Bùi Minh Chiến		-	0,00%	3.800	15.500	0,00%	0,00%	35.800	0,00%
94	Phạm Bá Phúc		-	0,00%	-	320.000	0,05%	0,05%	320.003	0,04%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHDCD thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHDCD thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HDQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HDQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
95	Lưu Văn Hải		1.980	0,00%	-	504.000	0,08%	0,08%	504.000	0,06%
		Lưu Văn Bằng	331	0,00%	1.357	1.000.000	0,15%	0,15%	1.007.208	0,13%
	Lưu Văn Hải và Người liên quan		2.311	0,00%	1.357	1.504.000	0,23%	0,23%	1.511.208	0,19%
96	Phạm Thị Hoa		-	0,00%	750	56.600	0,01%	0,01%	60.650	0,01%
97	Vũ Sơn Thái		-	0,00%	-	13.000	0,00%	0,00%	13.000	0,00%
98	Đỗ Thị Kiều Anh		642	0,00%	1.856	10.000	0,00%	0,00%	20.608	0,00%
99	Trần Nguyễn Anh		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.089	0,00%
100	Lê Trung Khải		-	0,00%	-	60.000	0,01%	0,01%	60.000	0,01%
101	Lê Tuấn Anh		-	0,00%	-	15.000	0,00%	0,00%	15.000	0,00%
102	Nguyễn Thị Lê Phương		-	0,00%	-	15.000	0,00%	0,00%	15.000	0,00%
103	Trần Kim Ngọc		-	0,00%	510	13.000	0,00%	0,00%	15.710	0,00%
104	Nguyễn Thanh Vân		87	0,00%	359	30.000	0,00%	0,00%	31.909	0,00%
105	Đỗ Phương Linh		-	0,00%	-	15.000	0,00%	0,00%	15.000	0,00%
106	Nguyễn Thị Minh Thùy		-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
		Phạm Thị Hằng	-	0,00%	908	100.000	0,02%	0,02%	104.823	0,01%
	Nguyễn Thị Minh Thùy và Người liên quan		-	0,00%	908	150.000	0,02%	0,02%	154.823	0,02%
107	Dương Ngọc Quỳnh		3.342	0,00%	6.691	10.000	0,00%	0,00%	45.535	0,01%
108	Nguyễn Văn Giáp		-	0,00%	-	56.600	0,01%	0,01%	56.600	0,01%
109	Nguyễn Quang Huy		120	0,00%	491	44.000	0,01%	0,01%	46.611	0,01%
110	Bùi Công Trang		-	0,00%	-	14.000	0,00%	0,00%	14.000	0,00%
111	Lê Tấn Phi Sơn		22	0,00%	93	14.000	0,00%	0,00%	14.498	0,00%
112	Nguyễn Lương Thuận		18	0,00%	-	94.000	0,01%	0,01%	94.018	0,01%
113	Đặng Minh Phúc		-	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.000	0,00%
114	Vũ Thị Thanh Hoa		-	0,00%	-	24.000	0,00%	0,00%	24.000	0,00%
115	Nguyễn Công Hạnh		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
116	Vũ Ngọc Hải		372	0,00%	-	70.000	0,01%	0,01%	70.000	0,01%
117	Nguyễn Duy Tuấn		696	0,00%	2.852	12.000	0,00%	0,00%	27.148	0,00%
118	Lê Quang Thuật		197	0,00%	809	50.000	0,01%	0,01%	54.297	0,01%
119	Lê Huy Bằng		-	0,00%	-	11.000	0,00%	0,00%	11.000	0,00%
120	Nguyễn Đức Tiến		-	0,00%	-	30.000	0,00%	0,00%	30.000	0,00%
121	Đoàn Thế Toàn		-	0,00%	-	100.000	0,02%	0,02%	100.028	0,01%
122	Nguyễn Trung Dũng		-	0,00%	-	5.000	0,00%	0,00%	5.000	0,00%
123	Nguyễn Đức Toán		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
124	Mai Thị Thanh Du		-	0,00%	-	8.000	0,00%	0,00%	8.000	0,00%
125	Đỗ Hà My		3	0,00%	-	11.000	0,00%	0,00%	11.000	0,00%
126	Phạm Phước Nghiêm		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
127	Nguyễn Xuân Dương		1.800	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
128	Bùi Thị Thanh Phương		294	0,00%	-	25.000	0,00%	0,00%	25.000	0,00%
		Bùi Thị Thanh Mỹ	2.262	0,00%	7.663	124.000	0,02%	0,02%	164.739	0,02%
	Bùi Thị Thanh Phương và Người liên quan		2.556	0,00%	7.663	149.000	0,02%	0,02%	189.739	0,02%
129	Nguyễn Minh Hải		-	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
130	Lê Thị Thanh Thảo		840	0,00%	1.160	10.000	0,00%	0,00%	16.160	0,00%
		Lê Thành Hưng	300	0,00%	1.392	56.600	0,01%	0,01%	63.992	0,01%
	Lê Thị Thanh Thảo và Người liên quan		1.140	0,00%	2.552	66.600	0,01%	0,01%	80.152	0,01%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HĐQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HĐQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
131	Nguyễn Xuân Thắng		-	0,00%	-	30.000	0,00%	0,00%	30.000	0,00%
132	Bùi Quang Trung		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
133	Nguyễn Việt Hùng		-	0,00%	-	6.600	0,00%	0,00%	6.600	0,00%
134	Trần Minh Tuấn		-	0,00%	134	4.000	0,00%	0,00%	4.714	0,00%
135	Phan Hoàng Long		-	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.000	0,00%
		Trần Thị Thu	600	0,00%	7.493	79.000	0,01%	0,01%	118.793	0,01%
	Phan Hoàng Long và Người liên quan		600	0,00%	7.493	83.000	0,01%	0,01%	122.793	0,02%
136	Nguyễn Việt Kế		-	0,00%	46	20.000	0,00%	0,00%	20.246	0,00%
137	Ngô Ngọc Tuấn		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
138	Bành Quang Việt		-	0,00%	-	260.000	0,04%	0,04%	260.000	0,03%
139	Lê Quang Toán		-	0,00%	185	30.000	0,00%	0,00%	30.985	0,00%
140	Võ Minh Quang		-	0,00%	-	9.000	0,00%	0,00%	9.000	0,00%
141	Nguyễn Hùng Phiệt		18	0,00%	-	1.000	0,00%	0,00%	1.318	0,00%
142	Nguyễn Tấn Duy		-	0,00%	-	36.000	0,01%	0,01%	36.000	0,00%
143	Trần Thị Song Hương		-	0,00%	-	3.000	0,00%	0,00%	3.000	0,00%
144	Trịnh Hoàng Yến		14	0,00%	-	2.500	0,00%	0,00%	2.758	0,00%
145	Nguyễn Bá Định		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
146	Võ Hưng Vinh		4	0,00%	417	5.000	0,00%	0,00%	7.217	0,00%
147	Vũ Minh Truyền		7	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.127	0,00%
148	Phạm Văn Đen		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
149	Nguyễn Thành Trung		474	0,00%	2.320	6.600	0,00%	0,00%	18.920	0,00%
150	Nguyễn Văn Thao		-	0,00%	-	20.200	0,00%	0,00%	20.200	0,00%
151	Nguyễn Trọng Khang		-	0,00%	-	5.000	0,00%	0,00%	5.000	0,00%
152	Huỳnh Tấn Xuyên		-	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.000	0,00%
153	Lê Đình Vững		-	0,00%	-	6.500	0,00%	0,00%	6.500	0,00%
154	Nguyễn Trung Quân		-	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.000	0,00%
155	Huỳnh Hào Huy		26	0,00%	-	3.000	0,00%	0,00%	3.470	0,00%
156	Nguyễn Văn Tư		-	0,00%	-	1.000	0,00%	0,00%	1.000	0,00%
157	Lê Trọng Chín		-	0,00%	-	1.000	0,00%	0,00%	1.000	0,00%
158	Nguyễn Phúc Vĩnh Thi		-	0,00%	-	1.000	0,00%	0,00%	1.000	0,00%
159	Trần Thị Phương		-	0,00%	-	500	0,00%	0,00%	500	0,00%
160	Trần Đức Nguyên		-	0,00%	-	111.000	0,02%	0,02%	111.000	0,01%
161	Trần Ngọc Tú		30	0,00%	-	134.000	0,02%	0,02%	134.000	0,02%
162	Lê Thế Anh		-	0,00%	-	24.000	0,00%	0,00%	24.000	0,00%
163	Phùng Xuân Thùy		-	0,00%	-	54.000	0,01%	0,01%	54.000	0,01%
164	Lê Hồng Phong		24	0,00%	-	40.000	0,01%	0,01%	40.000	0,01%
165	Lê Xuân Yên		60	0,00%	200	10.000	0,00%	0,00%	11.070	0,00%
166	Nguyễn Thế Mạnh		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
167	Đỗ Văn Dũng		150	0,00%	1.113	12.000	0,00%	0,00%	17.913	0,00%
168	Nguyễn Đắc Duy		-	0,00%	-	5.000	0,00%	0,00%	5.000	0,00%
169	Trương Quốc Vỹ		60	0,00%	394	20.000	0,00%	0,00%	22.094	0,00%
170	Trần Ngọc Dương		120	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.020	0,00%
171	Phùng Thị Thanh Hải		24	0,00%	51	5.000	0,00%	0,00%	5.275	0,00%
172	Đỗ Thị Thùy My		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025			Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xir lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HĐQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HĐQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
173	Phùng Văn Khang		30	0,00%	116	5.000	0,00%	0,00%	5.616	0,00%
174	Lê Thị Nhung		678	0,00%	-	32.000	0,00%	0,01%	32.000	0,00%
175	Phạm Chí Nguyễn		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
176	Đỗ Việt Hùng		344	0,00%	1.410	20.000	0,00%	0,00%	27.488	0,00%
177	Trần Đình Tiên		-	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.000	0,00%
178	Nguyễn Minh Phúc		-	0,00%	-	4.000	0,00%	0,00%	4.000	0,00%
179	Trần Quốc Tường		-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
180	Hoàng Đình Nam		-	0,00%	-	35.000	0,01%	0,01%	35.000	0,00%
181	Nguyễn Cảnh Bá		-	0,00%	-	45.000	0,01%	0,01%	45.000	0,01%
182	Đỗ Văn Quân		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
183	Nguyễn Thế Quang		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
184	Nguyễn Ngọc Bình		-	0,00%	-	5.000	0,00%	0,00%	5.000	0,00%
185	Đỗ Thanh Dương		-	0,00%	-	100.000	0,02%	0,02%	100.000	0,01%
186	Vũ Ngọc Đan Thanh		-	0,00%	-	250.000	0,04%	0,04%	250.000	0,03%
187	Cao Văn Vũ		110.700	0,02%	415.280	235.000	0,10%	0,12%	2.440.280	0,31%
188	Đặng Thị Tuyết Mai		5.820	0,00%	27.144	500.000	0,08%	0,08%	644.144	0,08%
189	Lê Hoàng Việt		32.700	0,01%	181.656	794.500	0,15%	0,16%	1.759.156	0,22%
190	Nguyễn Thị Lan Huyền		-	0,00%	-	550.000	0,09%	0,09%	550.000	0,07%
191	Lương Thị Biệt		-	0,00%	387.625	2.000.000	0,37%	0,37%	4.058.425	0,51%
192	Nguyễn Hải Âu		-	0,00%	-	2.250.000	0,35%	0,35%	2.250.000	0,28%
193	Nguyễn Thị Thuý Hương		-	0,00%	-	133.000	0,02%	0,02%	133.000	0,02%
194	Nguyễn Thị Thuý		60	0,00%	153	10.000	0,00%	0,00%	10.813	0,00%
195	Trần Thị Hoàng Vi		-	0,00%	-	5.000	0,00%	0,00%	5.000	0,00%
196	Trần Lê Thanh Tùng		-	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.000	0,00%
197	Nguyễn Hồng Điều		-	0,00%	-	300.000	0,05%	0,05%	300.000	0,04%
198	Trịnh Quốc Nam		-	0,00%	-	300.000	0,05%	0,05%	300.000	0,04%
199	Vũ Thị Thu Hương		-	0,00%	-	150.000	0,02%	0,02%	150.000	0,02%
		Nguyễn Quang Tín	-	0,00%	1.062	496.783	0,08%	0,08%	502.423	0,06%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0,00%	-	65.000	0,01%	0,01%	65.000	0,01%
		Nguyễn Thị Kim Táo	-	0,00%	-	60.000	0,01%	0,01%	60.000	0,01%
		Vũ Thị Thu Hương và Người liên quan	-	0,00%	1.062	771.783	0,12%	0,12%	777.423	0,10%
200	Hoàng Anh Dũng		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
201	Phạm Đức Dũng		-	0,00%	649	100.000	0,02%	0,02%	103.449	0,01%
202	Phạm Văn Thành		2	0,00%	-	300.000	0,05%	0,05%	300.046	0,04%
203	Lê Đình Thắng		-	0,00%	4.640	500.000	0,08%	0,08%	524.640	0,07%
204	Hoàng Văn Tăng		1	0,00%	1.276	10.000	0,00%	0,00%	16.776	0,00%
205	Lưu Văn Bằng		331	0,00%	1.357	1.000.000	0,15%	0,15%	1.007.208	0,13%
		Lưu Văn Hải	1.980	0,00%	-	504.000	0,08%	0,08%	504.000	0,06%
		Lưu Văn Bằng và Người liên quan	2.311	0,00%	1.357	1.504.000	0,23%	0,23%	1.511.208	0,19%
206	Phạm Thị Hằng		-	0,00%	908	100.000	0,02%	0,02%	104.823	0,01%
		Nguyễn Thị Minh Thùy	-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
		Phạm Thị Hằng và Người liên quan	-	0,00%	908	150.000	0,02%	0,02%	154.823	0,02%
207	Vũ Thị Thu Thủy		-	0,00%	-	400.000	0,06%	0,06%	400.000	0,05%
208	Nguyễn Văn Bình		-	0,00%	-	100.000	0,02%	0,02%	100.000	0,01%

STT	Họ và Tên Nhà đầu tư	Người liên quan	Trả cổ tức năm 2024 bằng CP (ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2025)		Chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHDCD thường niên năm 2025			Sau đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết DHDCD thường niên năm 2025		
			Số lượng CP trả cổ tức	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 609.851.995 CP)	Số CP đã mua theo phương thức thực hiện quyền và chuyển nhượng quyền mua	Số CP mua theo phương án xử lý CP chưa phân phối hết tại NQ số 123/NQ-DIC Group- HDQT và NQ số 124/NQ- DIC Group-HDQT	Tỷ lệ CP trên vốn điều lệ (tương đương 646.431.191 CP)	Tổng tỷ lệ CP chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 796.431.191 CP)
209	Võ Duy Huy		540	0,00%	2.213	10.000	0,00%	0,00%	21.753	0,00%
210	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1.800	0,00%	4.408	50.000	0,01%	0,01%	73.408	0,01%
211	Trần Huyền Trang		-	0,00%	-	90.000	0,01%	0,01%	90.000	0,01%
212	Nguyễn Thị Liễu		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
213	Đỗ Thị Lệ		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
214	Lương Thị Thanh Lý		-	0,00%	376	15.000	0,00%	0,00%	16.999	0,00%
215	Phạm Ngọc Bình		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
216	Nguyễn Thị Thu Thảo		1.800	0,00%	6.217	50.000	0,01%	0,01%	83.017	0,01%
217	Nguyễn Thanh Sơn		-	0,00%	-	20.000	0,00%	0,00%	20.000	0,00%
218	Bùi Ngọc Anh		1.200	0,00%	2.923	20.000	0,00%	0,00%	35.523	0,00%
219	Lê Đoàn Nhật Quang		-	0,00%	-	45.000	0,01%	0,01%	45.000	0,01%
220	Nguyễn Thị Song Hoành		-	0,00%	2.320	210.000	0,03%	0,03%	222.320	0,03%
221	Lê Quang Khánh		-	0,00%	-	50.000	0,01%	0,01%	50.000	0,01%
222	Nguyễn Trung Dũng		3.030	0,00%	-	30.000	0,00%	0,01%	30.000	0,00%
223	Huỳnh Nữ Thụy Thủy Thanh Trâm		-	0,00%	-	2.000	0,00%	0,00%	2.000	0,00%
224	Trần Thị Thanh Nhà		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
225	Đào Nhật Nguyên		-	0,00%	-	10.000	0,00%	0,00%	10.000	0,00%
226	Phạm Thị Vân Anh		288	0,00%	1.296	50.000	0,01%	0,01%	56.884	0,01%
227	Trần Thị Toàn		660	0,00%	2.088	25.000	0,00%	0,00%	36.088	0,00%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Hùng Cường

REPORT

ON THE RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING

(According to the Certificate of Registration for Public Offering No. 330/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated September 22, 2025)

To: - State Securities Commission

I. INTRODUCTION OF THE ISSUER:

1. Issuer's name (full name) : Development Investment Construction J.S.C
2. Abbreviated name : DIC Group.
3. Head office address : 15 Thi Sach, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City
4. Tel: 02543.859.248 Fax: 02543.560.712 Website: www.dic.vn
5. Charter capital : VND 6,464,311,910,000.
6. Stock code : DIG
7. Payment account details : Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ba Ria Vung Tau Branch. Account number: 7600000107.
8. Business Registration Certificate No. 3500101107 issued by Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province, initially granted on March 13, 2008, and amended for the 27th time on June 27, 2025 by the Department of Finance of Ba Ria – Vung Tau Province.
9. Establishment and operation license (if any as required by specialized laws): None.

II. OFFERING PLAN:

1. Name of share : Shares of Development Investment Construction J.S.C
2. Type of share : Ordinary shares
3. Number of shares offered: 150,000,000 shares, includes:
 - Number of shares offered by DIC Group: 150,000,000 shares.
 - Number of shares offered by shareholders/owners/members: 0.
4. Offering price : VND 12,000/share.
5. Total expected value of mobilized capital: VND 1,800,000,000,000, includes:
 - Value of capital mobilized by DIC Group: VND 1,800,000,000,000.
 - Value of capital mobilized by shareholders/owners/members: VND 0.
6. Distribution method : Through the exercise of rights by existing shareholders.



7. Subscription and payment period:

- For existing shareholders: Register and pay for shares from October 20, 2025 to November 14, 2025.
- For investors allocated the undistributed shares from the offering: Pay for shares from December 04, 2025 to December 12, 2025.

8. Completion date of the offering: December 12, 2025.

9. Expected share transfer date: Expected from December 2025 to January 2026, after DIC Group completes the procedures for additional registration with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and registers the additional listing of shares with the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).

III. RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING:

- Summary of the offering results:

Subjects to purchase shares	Offering price (VND /share)	Number of shares offered	Number of shares registered to purchase	Number of shares distributed	Number of investors registered to purchase	Number of eligible investors being distributed	Number of ineligible investors being distributed	Number of remaining shares	Ratio of shares distributed (***)
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Share offering to existing shareholders	12,000	150,000,000	128,152,511	128,152,511	45,378	45,378	0	21,847,489	85.44%
2. Handle undistributed shares	12,000	21,847,489	21,847,489	21,847,489	227(*)	227	0	0	14.56%
Total		150,000,000	150,000,000	150,000,000	45,528	45,528	0	0	100%
1. Domestic investors	12,000	144,162,246	144,518,466 (**)	144,518,466	45,387	45,387	0	0	96.35%
2. Foreign investors	12,000	5,837,754	5,481,534	5,481,534	141	141	0	0	3.65%
Total		150,000,000	150,000,000	150,000,000	45,528	45,528	0	0	100%

(*) The undistributed shares were reallocated by the DIC Group's BOD to other parties according to the BOD's Resolution No. 123/NQ-DIC Group-BOD dated December 04, 2025 and Resolution No. 124/NQ-DIC Group-BOD dated December 12, 2025. Among the list of 227 investors receiving the reallocated shares, 77 investors had already purchased shares by exercising the subscription rights of existing shareholders

(**) The number of shares registered for purchase by domestic investors is 144,518,466 shares, comprising:

- Shares registered for purchase through the exercise of rights and transfer of subscription rights: 122,670,977 shares.
- Shares registered for purchase under the plan for handling undistributed shares: 21,847,489 shares (including odd-lot shares arising from rounding down to whole units; remaining shares due to existing shareholders not fully subscribing, and shares



arising from discrepancies between the number of shares offered and the actual number of shares issued based on the subscription ratio).

(***) The ratio of shares distributed is determined as: The number of shares distributed (column 5) divided by the total number of shares offered (150,000,000 shares).

- The offering was not underwritten.
- Regarding the allocation of the undistributed shares to investors:
DIC Group attaches the report in Appendix I, which presents information on the number of shares and the offering ratio for each investor and their related persons relative to the charter capital in this offering and in offerings, issuances within the latest 12 months, and information on the ownership ratio of each investor and their related persons after the offering.

IV. SUMMARY OF THE RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING:

1. Total number of shares distributed: 150,000,000 shares, equivalent to 100% of the total number of shares offered, includes:
 - Number of shares of DIC Group: 150,000,000 shares;
 - Number of shares of shareholders/owners/members: 0 shares.
2. Total proceeds from the offering: VND 1,800,000,000,000, includes:
 - Total proceeds of DIC Group: VND 1,800,000,000,000;
 - Total proceeds of shareholders/owners/members: VND 0.
3. Total expenses: VND 435,740,000.
 - Issuance advisory fee: VND 330,000,000.
 - Newspaper publication fee: VND 11,340,000.
 - Shareholder record date fee for exercising share purchase rights: VND 15,400,000.
 - Certificate issuance fee for public offering: VND 25,000,000.
 - Capital audit fee: VND 54,000,000.
4. Total net proceeds from the offering: VND 1,799,564,260,000.

V. CAPITAL STRUCTURE OF THE ISSUER AFTER THE OFFERING

1. Capital structure:

No.	Items	Number of shareholders (*)	Number of owned shares (**)	Value of owned shares at par value	Ownership ratio
I	Domestic and foreign shareholders				
1	Domestic	77,529	765,786,343	7,657,863,430,000	96.15%
1.1	State				
1.2	Organizations	91	11,139,315	111,393,150,000	1.40%
1.3	Individuals	77,438	754,647,028	7,546,470,280,000	94.75%



No.	Items	Number of shareholders (*)	Number of owned shares (**)	Value of owned shares at par value	Ownership ratio
2	Foreign	286	30,644,848	306,448,480,000	3.85%
2.1	Foreign organizations, economic organizations with foreign investors owning more than 50% of charter capital	45	28,281,635	282,816,350,000	3.55%
2.2	Individuals	241	2,363,213	23,632,130,000	0.30%
	Total (1 + 2)	77,815	796,431,191	7,964,311,910,000	100.00%
II	Founding shareholders, major shareholders, other shareholders				
1	Founding shareholders				
2	Major shareholders	1	63,942,487	639,424,870,000	8.03%
3	Shareholders owning less than 5% of voting shares	77,814	732,488,704	7,324,887,040,000	91.97%
	Total (2 + 3)	77,815	796,431,191	7,964,311,910,000	100.00%

(*)(**) The number of shareholders and the number of shares owned are calculated based on the Consolidated list of securities holders exercising rights as of the record date of October 10, 2025; the list of existing shareholders who paid for shares by November 14, 2025; and the updated list of investors who purchased shares reallocated according to the decision of DIC Group's BOD. Among the list of 227 investors allocated the undistributed shares according to the decision of DIC Group's BOD, 100 investors were already included in the Consolidated list of securities holders exercising rights as of the record date of October 10, 2025, issued by VSDC.

2. List and ownership ratio of major shareholders:

No.	Name of shareholders	ID No.	Number of owned shares	Ownership ratio
1	Nguyen Hung Cuong		70,646,605	8.87%

VI. Attached documents

- Bank confirmation certifying the blocked account balance for receipt of proceeds from the public offering to existing shareholders in 2025 of DIC Group;
- Document No. 125/DIC Group-HĐQT dated December 15, 2025 regarding the explanation of the blocked account balance.
- Minutes of DIC Group's BOD No. 126/BB-DIC Group-HĐQT dated December 04, 2025 regarding approval of the distribution results and the plan for resolving the undistributed shares in the public offering of additional shares to existing shareholders;
- Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HĐQT dated December 04, 2025 of DIC Group's BOD regarding approval of the distribution results and the plan for resolving the undistributed shares in the public offering of additional shares to existing shareholders;



- Resolution No. 124/NQ-DIC Group-HĐQT dated December 12, 2025 of DIC Group's BOD regarding approval of the adjustment to the list of investors distributed shares under Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HĐQT dated 04/12/2025 in the public offering of additional shares to existing shareholders;
- Resolution No. 125/NQ-DIC Group-HĐQT dated December 15, 2025 of DIC Group's BOD regarding approval of the results of the public offering of additional shares to existing shareholders in 2025.

Recipients:

- As above;
- BOD;
- BOM;
- VSDC;
- HOSE;
- ACC. Dept.; H&R Dept..;
- Archived: AD, FI&IR Dept..

**LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN**



Nguyen Hung Cuong



(NOTICE: This Report is a translation of the Vietnamese language original for convenience purposes only, and in the event of any discrepancy, the Vietnamese language original shall prevail.)



Development Investment Construction J.S.C

FOUNDATION FOR THRIVING FUTURE

15 Thi Sach, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City | Tel: 0254.3859 248 | Fax: 0254 3560 712 | Web: www.dic.vn

APPENDIX I

INFORMATION ON THE OWNERSHIP RATIOS OF INVESTORS DISTRIBUTED SHARES ACCORDING TO THE BOD'S RESOLUTION NO. 123/NQ-DIC GROUP-HDQT DATED 04/12/2025 AND RESOLUTION NO. 124/NQ-DIC GROUP-HDQT DATED 12/12/2025

(Attached to the Report on the results of the public offering No. 126/DIC Group-HDQT dated 15/12/2025)

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/ issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HDQT and the Resolution No. 124/NO-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
1	DIC Group Grassroots Trade Union		-	0.00%	-	2,000,000	0.31%	0.31%	2,000,000	0.25%
		Nguyễn Thị Kim Nhung	1	0.00%	-	94,000	0.01%	0.01%	94,032	0.01%
	DIC Group Grassroots Trade Union and related persons		1	0.00%	-	2,094,000	0.32%	0.32%	2,094,032	0.26%
2	Nguyễn Quang Tín		-	0.00%	1,062	496,783	0.08%	0.08%	502,423	0.06%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0.00%	-	65,000	0.01%	0.01%	65,000	0.01%
		Nguyễn Thị Kim Tảo	-	0.00%	-	60,000	0.01%	0.01%	60,000	0.01%
	Nguyễn Quang Tín and Related persons		-	0.00%	1,062	771,783	0.12%	0.12%	777,423	0.10%
3	Trần Văn Đạt		13	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,244	0.02%
4	Nguyễn Văn Tùng		-	0.00%	-	18,000	0.00%	0.00%	18,002	0.00%
5	Nguyễn Tuấn Liêm		1,200	0.00%	4,920	68,000	0.01%	0.01%	94,128	0.01%
6	Phạm Văn Thái		-	0.00%	-	118,000	0.02%	0.02%	118,000	0.01%
7	Bùi Văn Sự		2,448	0.00%	10,035	150,000	0.02%	0.03%	160,035	0.02%
8	Bùi Nguyễn Thăng Long		2,427	0.00%	10,692	83,500	0.01%	0.01%	140,281	0.02%
9	Nguyễn Trọng Nghĩa		-	0.00%	-	26,800	0.00%	0.00%	26,800	0.00%
10	Lê Thu Trang		300	0.00%	116	26,600	0.00%	0.00%	27,216	0.00%
11	Lê Quang Hùng		-	0.00%	-	62,000	0.01%	0.01%	62,000	0.01%
12	Trần Thị Lam		-	0.00%	-	35,000	0.01%	0.01%	35,500	0.00%
13	Nguyễn Chiến Thắng		-	0.00%	-	26,600	0.00%	0.00%	26,600	0.00%
14	Phan Như Toàn		4	0.00%	-	100,000	0.02%	0.02%	100,000	0.01%
15	Trần Ngọc Trâm		-	0.00%	-	14,000	0.00%	0.00%	14,000	0.00%
16	Lê Thị Khánh Hương		-	0.00%	1	24,000	0.00%	0.00%	24,006	0.00%
17	Võ Thành Vinh		1	0.00%	-	38,000	0.01%	0.01%	38,025	0.00%
18	Phan Thị Quỳnh Trang		-	0.00%	-	95,000	0.01%	0.01%	95,000	0.01%
19	Bùi Đỗ Anh Đức		-	0.00%	-	40,000	0.01%	0.01%	40,006	0.01%
20	Lưu Bạch Yến		51	0.00%	-	107,000	0.02%	0.02%	109,071	0.01%
21	Diệp Thị Ngọc Lan		3	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,069	0.00%
		Diệp Quang Tú	38,231	0.01%	-	-	0.00%	0.01%	675,428	0.08%
		Nguyễn Thị Thanh Huyền	819,974	0.13%	1,604,269	-	0.25%	0.38%	16,090,492	2.02%
	Diệp Thị Ngọc Lan and Related persons		858,208	0.14%	1,604,269	4,000	0.25%	0.39%	16,769,989	2.11%
22	Phạm Thanh Duy		6	0.00%	-	33,000	0.01%	0.01%	33,006	0.00%
23	Vũ Đình Dung		970	0.00%	3,977	30,000	0.01%	0.01%	51,121	0.01%
24	Nguyễn Thị Thanh Thảo		-	0.00%	-	65,000	0.01%	0.01%	65,000	0.01%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
		Nguyễn Quang Tín	-	0.00%	1,062	496,783	0.08%	0.08%	502,423	0.06%
		Nguyễn Thị Kim Tảo	-	0.00%	-	60,000	0.01%	0.01%	60,000	0.01%
	Nguyễn Thị Thanh Thảo and Related persons		-	0.00%	-	771,783	0.12%	0.12%	777,423	0.10%
25	Ngô Thị Bích Thảo		-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%
26	Trịnh Quang Hưng		-	0.00%	-	2,500	0.00%	0.00%	2,500	0.00%

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/ issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group- HDQT and the Resolution No. 124/NQ-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
27	Phan Nguyễn Trúc Linh		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
28	Nguyễn Trung Dũng		80	0.00%	329	20,000	0.00%	0.00%	21,751	0.00%
29	Nguyễn Xuân Hòa		961	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,081	0.01%
30	Trần Thức Dương		339	0.00%	1,392	10,000	0.00%	0.00%	17,394	0.00%
31	Phạm Văn Hồng		292	0.00%	1,199	6,000	0.00%	0.00%	12,371	0.00%
32	Trình Hùng Chiến		-	0.00%	46	25,000	0.00%	0.00%	25,254	0.00%
33	Huỳnh Đình Văn		1,206	0.00%	1	105,000	0.02%	0.02%	105,007	0.01%
34	Nguyễn Thành Thái		-	0.00%	-	15,000	0.00%	0.00%	15,010	0.00%
35	Kim Văn Đăng		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
36	Phan Quang Tuyền		5	0.00%	-	500	0.00%	0.00%	594	0.00%
37	Trần Thị Lan		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,010	0.00%
38	Nguyễn Văn Dũng		-	0.00%	-	25,000	0.00%	0.00%	25,000	0.00%
39	Đỗ Võ Mạnh Hùng		-	0.00%	-	156,600	0.02%	0.02%	156,600	0.02%
40	Bùi Thị Nghiễm Trang		37	0.00%	154	44,000	0.01%	0.01%	44,818	0.01%
41	Nguyễn Thị Kim Nhung		1	0.00%	-	94,000	0.01%	0.01%	94,032	0.01%
		DIC Group Grassroots Trade Union	-	0.00%	-	2,000,000	0.31%	0.31%	2,000,000	0.25%
	Nguyễn Thị Kim Nhung and Related persons		1	0.00%	-	2,094,000	0.32%	0.32%	2,094,032	0.26%
42	Hoàng Thị Thanh Thúy		252	0.00%	1,995	30,000	0.00%	0.00%	40,595	0.01%
		Phạm Trần Vũ Hoàng	54	0.00%	232	30,000	0.00%	0.00%	31,233	0.00%
	Hoàng Thị Thanh Thúy and Related persons		306	0.00%	2,227	60,000	0.01%	0.01%	71,828	0.01%
43	Lê Xuân Ngọc		-	0.00%	-	7,000	0.00%	0.00%	7,000	0.00%
44	Nguyễn Thị Kim Táo		-	0.00%	-	60,000	0.01%	0.01%	60,000	0.01%
		Nguyễn Quang Tín	-	0.00%	1,062	496,783	0.08%	0.08%	502,423	0.06%
		Vũ Thị Thu Hương	-	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0.00%	-	65,000	0.01%	0.01%	65,000	0.01%
	Nguyễn Thị Kim Táo and Related persons		-	0.00%	1,062	771,783	0.12%	0.12%	777,423	0.10%
45	Trần Thị Thu		600	0.00%	7,493	79,000	0.01%	0.01%	118,793	0.01%
		Phan Hoàng Long	-	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,000	0.00%
	Trần Thị Thu and Related persons		600	0.00%	7,493	83,000	0.01%	0.01%	122,793	0.02%
46	Đào Thanh Xuân		-	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,000	0.00%
47	Nguyễn Trần Phương Linh		-	0.00%	-	12,000	0.00%	0.00%	12,000	0.00%
48	Hoàng Thị Trang Châu Long		-	0.00%	6,960	6,000	0.00%	0.00%	42,960	0.01%
49	Phạm Thị Hồng Bích		102	0.00%	232	10,000	0.00%	0.00%	11,232	0.00%
50	Phan Thanh Nữ Diệu Trang		974	0.00%	3,529	68,000	0.01%	0.01%	86,743	0.01%
51	Nguyễn Thị Kiều Trang		-	0.00%	-	6,000	0.00%	0.00%	6,000	0.00%
52	Lê Thành Hưng		300	0.00%	1,392	56,600	0.01%	0.01%	63,992	0.01%
		Lê Thị Thanh Thảo	840	0.00%	1,160	10,000	0.00%	0.00%	16,160	0.00%
	Lê Thành Hưng and Related persons		1,140	0.00%	2,552	66,600	0.01%	0.01%	80,152	0.01%
53	Hoàng Thị Hà		900	0.00%	3,691	506,600	0.08%	0.08%	526,201	0.07%
54	Phạm Thị Vân		120	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
55	Vũ Đức Kiên		-	0.00%	-	700,500	0.11%	0.11%	700,500	0.09%
56	Nguyễn Thị Mai		204	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
57	Lê Phương Thảo		60	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
58	Hoàng Minh Việt		156	0.00%	246	12,706	0.00%	0.00%	14,014	0.00%
59	Nguyễn Thị Kim Oanh		198	0.00%	742	20,000	0.00%	0.00%	23,949	0.00%
60	Trần Ngọc Hân		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/ issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HDQT and the Resolution No. 124/NO-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
61	Hoàng Bảo Châu		128	0.00%	735	10,000	0.00%	0.00%	13,907	0.00%
62	Nguyễn Thị Thanh Hương		-	0.00%	-	511,000	0.08%	0.08%	511,000	0.06%
63	Vũ Thị Phương Thảo		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
64	Lê Văn Nam		-	0.00%	-	240,000	0.04%	0.04%	240,000	0.03%
65	Nguyễn Thị Hiền		874	0.00%	102	111,000	0.02%	0.02%	111,543	0.01%
66	Bùi Thị Thanh Mỹ		2,262	0.00%	7,663	124,000	0.02%	0.02%	164,739	0.02%
		Bùi Thị Thanh Phương	294	0.00%	-	25,000	0.00%	0.00%	25,000	0.00%
	Bùi Thị Thanh Mỹ and Related persons		2,556	0.00%	7,663	149,000	0.02%	0.02%	189,739	0.02%
67	Hà Huy Trọng		-	0.00%	-	19,000	0.00%	0.00%	19,000	0.00%
68	Nguyễn Xuân Thanh		-	0.00%	-	12,000	0.00%	0.00%	12,000	0.00%
69	Trần Quốc Chung		90	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
70	Vương Đức Đại		-	0.00%	-	40,000	0.01%	0.01%	40,000	0.01%
71	Trần Thanh Hiệp		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
72	Lê Trương Tường Vi		240	0.00%	464	70,000	0.01%	0.01%	72,464	0.01%
73	Phạm Thế Anh		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
74	Phạm Thị Hằng Thu		-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%
75	Phan Ngọc Phương		174	0.00%	250	30,000	0.00%	0.00%	31,334	0.00%
76	Hoàng Phan Thủy Trang		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
77	Vũ Thị Ngọc Quỳnh		-	0.00%	-	15,000	0.00%	0.00%	15,000	0.00%
78	Trần Nữ Hoàng Hải Yến		54	0.00%	223	30,000	0.00%	0.00%	31,186	0.00%
79	Lê Thị Diệu Hương		-	0.00%	-	31,600	0.00%	0.00%	31,600	0.00%
80	Nguyễn Lê Cẩm Anh		120	0.00%	-	24,000	0.00%	0.00%	24,000	0.00%
81	Phạm Hồng Giang		-	0.00%	-	14,000	0.00%	0.00%	14,000	0.00%
82	Phạm Trần Vũ Hoàng		54	0.00%	232	30,000	0.00%	0.00%	31,233	0.00%
		Hoàng Thị Thanh Thúy	252	0.00%	1,995	30,000	0.00%	0.00%	40,595	0.01%
	Phạm Trần Vũ Hoàng and Related persons		306	0.00%	2,227	60,000	0.01%	0.01%	71,828	0.01%
83	Vũ Mạnh Cường		-	0.00%	464	5,000	0.00%	0.00%	7,464	0.00%
84	Mai Thái Sơn		36	0.00%	255	6,000	0.00%	0.00%	7,355	0.00%
85	Bùi Trung Kiên		75	0.00%	310	10,000	0.00%	0.00%	11,649	0.00%
86	Nguyễn Công Toại		9	0.00%	37	22,000	0.00%	0.00%	22,197	0.00%
87	Nguyễn Thị Phương Hồng		138	0.00%	278	6,000	0.00%	0.00%	7,478	0.00%
88	Hoàng Minh Lợi		30	0.00%	116	5,000	0.00%	0.00%	5,616	0.00%
89	Vũ Văn Tín		-	0.00%	-	8,000	0.00%	0.00%	8,000	0.00%
90	Nguyễn Việt Dũng		126	0.00%	1,508	109,500	0.02%	0.02%	117,508	0.01%
91	Lê Thị Luận		180	0.00%	464	30,000	0.00%	0.00%	32,464	0.00%
92	Trần Trường Sơn		5	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,089	0.00%
93	Bùi Minh Chiến		-	0.00%	3,800	15,500	0.00%	0.00%	35,800	0.00%
94	Phạm Bá Phúc		-	0.00%	-	320,000	0.05%	0.05%	320,003	0.04%
95	Lưu Văn Hải		1,980	0.00%	-	504,000	0.08%	0.08%	504,000	0.06%
		Lưu Văn Bằng	331	0.00%	1,357	1,000,000	0.15%	0.15%	1,007,208	0.13%
	Lưu Văn Hải and Related persons		2,311	0.00%	1,357	1,504,000	0.23%	0.23%	1,511,208	0.19%
96	Phạm Thị Hoa		-	0.00%	750	56,600	0.01%	0.01%	60,650	0.01%
97	Vũ Sơn Thái		-	0.00%	-	13,000	0.00%	0.00%	13,000	0.00%
98	Đỗ Thị Kiều Anh		642	0.00%	1,856	10,000	0.00%	0.00%	20,608	0.00%
99	Trần Nguyễn Anh		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,089	0.00%
100	Lê Trung Khải		-	0.00%	-	60,000	0.01%	0.01%	60,000	0.01%

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/ issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HDQT and the Resolution No. 124/NO-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
101	Lê Tuấn Anh		-	0.00%	-	15,000	0.00%	0.00%	15,000	0.00%
102	Nguyễn Thị Lệ Phương		-	0.00%	-	15,000	0.00%	0.00%	15,000	0.00%
103	Trần Kim Ngọc		-	0.00%	510	13,000	0.00%	0.00%	15,710	0.00%
104	Nguyễn Thanh Vân		87	0.00%	359	30,000	0.00%	0.00%	31,909	0.00%
105	Đỗ Phương Linh		-	0.00%	-	15,000	0.00%	0.00%	15,000	0.00%
106	Nguyễn Thị Minh Thủy		-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%
		Phạm Thị Hằng	-	0.00%	908	100,000	0.02%	0.02%	104,823	0.01%
	Nguyễn Thị Minh Thủy and Related persons		-	0.00%	908	150,000	0.02%	0.02%	154,823	0.02%
107	Đương Ngọc Quỳnh		3,342	0.00%	6,691	10,000	0.00%	0.00%	45,535	0.01%
108	Nguyễn Văn Giáp		-	0.00%	-	56,600	0.01%	0.01%	56,600	0.01%
109	Nguyễn Quang Huy		120	0.00%	491	44,000	0.01%	0.01%	46,611	0.01%
110	Bùi Công Trang		-	0.00%	-	14,000	0.00%	0.00%	14,000	0.00%
111	Lê Tấn Phi Sơn		22	0.00%	93	14,000	0.00%	0.00%	14,498	0.00%
112	Nguyễn Lương Thuận		18	0.00%	-	94,000	0.01%	0.01%	94,018	0.01%
113	Đặng Minh Phúc		-	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,000	0.00%
114	Vũ Thị Thanh Hoa		-	0.00%	-	24,000	0.00%	0.00%	24,000	0.00%
115	Nguyễn Công Hạnh		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
116	Vũ Ngọc Hải		372	0.00%	-	70,000	0.01%	0.01%	70,000	0.01%
117	Nguyễn Duy Tuấn		696	0.00%	2,852	12,000	0.00%	0.00%	27,148	0.00%
118	Lê Quang Thuật		197	0.00%	809	50,000	0.01%	0.01%	54,297	0.01%
119	Lê Huy Bằng		-	0.00%	-	11,000	0.00%	0.00%	11,000	0.00%
120	Nguyễn Đức Tiến		-	0.00%	-	30,000	0.00%	0.00%	30,000	0.00%
121	Đoàn Thế Toàn		-	0.00%	-	100,000	0.02%	0.02%	100,028	0.01%
122	Nguyễn Trung Dũng		-	0.00%	-	5,000	0.00%	0.00%	5,000	0.00%
123	Nguyễn Đức Toán		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
124	Mai Thị Thanh Du		-	0.00%	-	8,000	0.00%	0.00%	8,000	0.00%
125	Đỗ Hà My		3	0.00%	-	11,000	0.00%	0.00%	11,000	0.00%
126	Phạm Phước Nghiêm		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
127	Nguyễn Xuân Dương		1,800	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
128	Bùi Thị Thanh Phương		294	0.00%	-	25,000	0.00%	0.00%	25,000	0.00%
			2,262	0.00%	7,663	124,000	0.02%	0.02%	164,739	0.02%
	Bùi Thị Thanh Phương and Related persons		2,556	0.00%	7,663	149,000	0.02%	0.02%	189,739	0.02%
129	Nguyễn Minh Hải		-	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
130	Lê Thị Thanh Thảo		840	0.00%	1,160	10,000	0.00%	0.00%	16,160	0.00%
		Lê Thành Hưng	300	0.00%	1,392	56,600	0.01%	0.01%	63,992	0.01%
	Lê Thị Thanh Thảo and Related persons		1,140	0.00%	2,552	66,600	0.01%	0.01%	80,152	0.01%
131	Nguyễn Xuân Thắng		-	0.00%	-	30,000	0.00%	0.00%	30,000	0.00%
132	Bùi Quang Trung		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
133	Nguyễn Việt Hùng		-	0.00%	-	6,600	0.00%	0.00%	6,600	0.00%
134	Trần Minh Tuấn		-	0.00%	134	4,000	0.00%	0.00%	4,714	0.00%
135	Phan Hoàng Long		-	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,000	0.00%
		Trần Thị Thu	600	0.00%	7,493	79,000	0.01%	0.01%	118,793	0.01%
	Phan Hoàng Long and Related persons		600	0.00%	7,493	83,000	0.01%	0.01%	122,793	0.02%
136	Nguyễn Việt Kế		-	0.00%	46	20,000	0.00%	0.00%	20,246	0.00%
137	Ngô Ngọc Tuấn		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
138	Bành Quang Việt		-	0.00%	-	260,000	0.04%	0.04%	260,000	0.03%

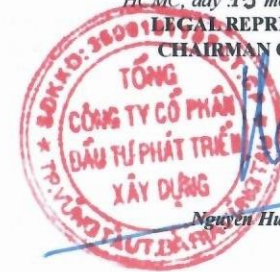
No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HDQT and the Resolution No. 124/NQ-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
139	Lê Quang Toàn		-	0.00%	185	30,000	0.00%	0.00%	30,985	0.00%
140	Vô Minh Quang		-	0.00%	-	9,000	0.00%	0.00%	9,000	0.00%
141	Nguyễn Hùng Phiệt		18	0.00%	-	1,000	0.00%	0.00%	1,318	0.00%
142	Nguyễn Tấn Duy		-	0.00%	-	36,000	0.01%	0.01%	36,000	0.00%
143	Trần Thị Song Hương		-	0.00%	-	3,000	0.00%	0.00%	3,000	0.00%
144	Trình Hoàng Yên		14	0.00%	-	2,500	0.00%	0.00%	2,758	0.00%
145	Nguyễn Bá Đình		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
146	Vô Hưng Vinh		4	0.00%	417	5,000	0.00%	0.00%	7,217	0.00%
147	Vũ Minh Truyền		7	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,127	0.00%
148	Phạm Văn Đen		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
149	Nguyễn Thành Trung		474	0.00%	2,320	6,600	0.00%	0.00%	18,920	0.00%
150	Nguyễn Văn Thao		-	0.00%	-	20,200	0.00%	0.00%	20,200	0.00%
151	Nguyễn Trọng Khang		-	0.00%	-	5,000	0.00%	0.00%	5,000	0.00%
152	Huỳnh Tấn Xuyên		-	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,000	0.00%
153	Lê Đình Vững		-	0.00%	-	6,500	0.00%	0.00%	6,500	0.00%
154	Nguyễn Trung Quân		-	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,000	0.00%
155	Huỳnh Hào Huy		26	0.00%	-	3,000	0.00%	0.00%	3,470	0.00%
156	Nguyễn Văn Tư		-	0.00%	-	1,000	0.00%	0.00%	1,000	0.00%
157	Lê Trọng Chín		-	0.00%	-	1,000	0.00%	0.00%	1,000	0.00%
158	Nguyễn Phúc Vĩnh Thi		-	0.00%	-	1,000	0.00%	0.00%	1,000	0.00%
159	Trần Thị Phương		-	0.00%	-	500	0.00%	0.00%	500	0.00%
160	Trần Đức Nguyễn		-	0.00%	-	111,000	0.02%	0.02%	111,000	0.01%
161	Trần Ngọc Tú		30	0.00%	-	134,000	0.02%	0.02%	134,000	0.02%
162	Lê Thế Anh		-	0.00%	-	24,000	0.00%	0.00%	24,000	0.00%
163	Phùng Xuân Thùy		-	0.00%	-	54,000	0.01%	0.01%	54,000	0.01%
164	Lê Hồng Phong		24	0.00%	-	40,000	0.01%	0.01%	40,000	0.01%
165	Lê Xuân Yên		60	0.00%	200	10,000	0.00%	0.00%	11,070	0.00%
166	Nguyễn Thế Mạnh		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
167	Đỗ Văn Dũng		150	0.00%	1,113	12,000	0.00%	0.00%	17,913	0.00%
168	Nguyễn Đắc Duy		-	0.00%	-	5,000	0.00%	0.00%	5,000	0.00%
169	Trương Quốc Vỹ		60	0.00%	394	20,000	0.00%	0.00%	22,094	0.00%
170	Trần Ngọc Dương		120	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,020	0.00%
171	Phùng Thị Thanh Hải		24	0.00%	51	5,000	0.00%	0.00%	5,275	0.00%
172	Đỗ Thị Thủy Mỹ		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
173	Phùng Văn Khang		30	0.00%	116	5,000	0.00%	0.00%	5,616	0.00%
174	Lê Thị Nhung		678	0.00%	-	32,000	0.00%	0.01%	32,000	0.00%
175	Phạm Chí Nguyên		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
176	Đỗ Việt Hùng		344	0.00%	1,410	20,000	0.00%	0.00%	27,488	0.00%
177	Trần Đình Tiến		-	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,000	0.00%
178	Nguyễn Minh Phúc		-	0.00%	-	4,000	0.00%	0.00%	4,000	0.00%
179	Trần Quốc Tường		-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%
180	Hoàng Đình Nam		-	0.00%	-	35,000	0.01%	0.01%	35,000	0.00%
181	Nguyễn Cảnh Bá		-	0.00%	-	45,000	0.01%	0.01%	45,000	0.01%
182	Đỗ Văn Quân		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
183	Nguyễn Thế Quang		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
184	Nguyễn Ngọc Bình		-	0.00%	-	5,000	0.00%	0.00%	5,000	0.00%

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group-HĐQT and the Resolution No. 124/NQ-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
185	Đỗ Thanh Dương		-	0.00%	-	100,000	0.02%	0.02%	100,000	0.01%
186	Vũ Ngọc Đan Thanh		-	0.00%	-	250,000	0.04%	0.04%	250,000	0.03%
187	Cao Văn Vũ		110,700	0.02%	415,280	235,000	0.10%	0.12%	2,440,280	0.31%
188	Đặng Thị Tuyết Mai		5,820	0.00%	27,144	500,000	0.08%	0.08%	644,144	0.08%
189	Lê Hoàng Việt		32,700	0.01%	181,656	794,500	0.15%	0.16%	1,759,156	0.22%
190	Nguyễn Thị Lan Huyền		-	0.00%	-	550,000	0.09%	0.09%	550,000	0.07%
191	Lương Thị Biêt		-	0.00%	387,625	2,000,000	0.37%	0.37%	4,058,425	0.51%
192	Nguyễn Hải Âu		-	0.00%	-	2,250,000	0.35%	0.35%	2,250,000	0.28%
193	Nguyễn Thị Thuý Hương		-	0.00%	-	133,000	0.02%	0.02%	133,000	0.02%
194	Nguyễn Thị Thuý		60	0.00%	153	10,000	0.00%	0.00%	10,813	0.00%
195	Trần Thị Hoàng Vi		-	0.00%	-	5,000	0.00%	0.00%	5,000	0.00%
196	Trần Lê Thanh Tùng		-	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,000	0.00%
197	Nguyễn Hồng Điều		-	0.00%	-	300,000	0.05%	0.05%	300,000	0.04%
198	Trình Quốc Nam		-	0.00%	-	300,000	0.05%	0.05%	300,000	0.04%
199	Vũ Thị Thu Hương		-	0.00%	-	150,000	0.02%	0.02%	150,000	0.02%
		Nguyễn Quang Tín	-	0.00%	1,062	496,783	0.08%	0.08%	502,423	0.08%
		Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	0.00%	-	65,000	0.01%	0.01%	65,000	0.01%
		Nguyễn Thị Kim Tảo	-	0.00%	-	60,000	0.01%	0.01%	60,000	0.01%
	Vũ Thị Thu Hương and Related persons		-	0.00%	1,062	771,783	0.13%	0.13%	777,423	0.12%
201	Phạm Đức Dũng		-	0.00%	649	100,000	0.02%	0.02%	103,449	0.01%
202	Phạm Văn Thành		2	0.00%	-	300,000	0.05%	0.05%	300,046	0.04%
203	Lê Đình Thắng		-	0.00%	4,640	500,000	0.08%	0.08%	524,640	0.07%
204	Hoàng Văn Tăng		1	0.00%	1,276	10,000	0.00%	0.00%	16,776	0.00%
205	Lưu Văn Bằng		331	0.00%	1,357	1,000,000	0.15%	0.15%	1,007,208	0.13%
		Lưu Văn Hải	1,980	0.00%	-	504,000	0.08%	0.08%	504,000	0.06%
	Lưu Văn Bằng and Related persons		2,311	0.00%	1,357	1,504,000	0.23%	0.23%	1,511,208	0.19%
206	Phạm Thị Hằng		-	0.00%	908	100,000	0.02%	0.02%	104,823	0.01%
		Nguyễn Thị Minh Thùy	-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%
	Phạm Thị Hằng and Related persons		-	0.00%	908	150,000	0.02%	0.02%	154,823	0.02%
207	Vũ Thị Thu Thùy		-	0.00%	-	400,000	0.06%	0.06%	400,000	0.05%
208	Nguyễn Văn Bình		-	0.00%	-	100,000	0.02%	0.02%	100,000	0.01%
209	Võ Duy Huy		540	0.00%	2,213	10,000	0.00%	0.00%	21,753	0.00%
210	Nguyễn Thị Thanh Thùy		1,800	0.00%	4,408	50,000	0.01%	0.01%	73,408	0.01%
211	Trần Huyền Trang		-	0.00%	-	90,000	0.01%	0.01%	90,000	0.01%
212	Nguyễn Thị Liễu		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
213	Đỗ Thị Lệ		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
214	Lương Thị Thanh Lý		-	0.00%	376	15,000	0.00%	0.00%	16,999	0.00%
215	Phạm Ngọc Bình		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
216	Nguyễn Thị Thu Thảo		1,800	0.00%	6,217	50,000	0.01%	0.01%	83,017	0.01%
217	Nguyễn Thanh Sơn		-	0.00%	-	20,000	0.00%	0.00%	20,000	0.00%
218	Bùi Ngọc Anh		1,200	0.00%	2,923	20,000	0.00%	0.00%	35,523	0.00%
219	Lê Đoàn Nhật Quang		-	0.00%	-	45,000	0.01%	0.01%	45,000	0.01%
220	Nguyễn Thị Song Hoanh		-	0.00%	2,320	210,000	0.03%	0.03%	222,320	0.03%
221	Lê Quang Khánh		-	0.00%	-	50,000	0.01%	0.01%	50,000	0.01%

No.	Investor's Full Name	Related persons	2024 share dividend (Record date: May 30, 2025)		Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution			Total share ratio after share offerings/ issuances during the latest 12 months	After the Public offering of additional shares for existing shareholders according to the 2025 AGM Resolution	
			Number of dividend shares	Share ratio on charter capital (corresponding to 609,851,995 shares)	Number of shares purchased via exercise and transfer of subscription rights	Number of shares purchased under the plan for handling undistributed shares according to the Resolution No. 123/NQ-DIC Group- HDQT and the Resolution No. 124/NQ-DIC Group-	Share ratio on charter capital (corresponding to 646,431,191 shares)		Number of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (corresponding to 796,431,191 shares)
222	Nguyễn Trung Dũng		3,030	0.00%	-	30,000	0.00%	0.01%	30,000	0.00%
223	Huỳnh Nữ Thủy Thủy Thanh Trâm		-	0.00%	-	2,000	0.00%	0.00%	2,000	0.00%
224	Trần Thị Thanh Nhã		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
225	Đào Nhật Nguyên		-	0.00%	-	10,000	0.00%	0.00%	10,000	0.00%
226	Phạm Thị Vân Anh		288	0.00%	1,296	50,000	0.01%	0.01%	56,884	0.01%
227	Trần Thị Toàn		660	0.00%	2,088	25,000	0.00%	0.00%	36,088	0.00%

HCMC, day 15 month 12 year 2025

LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOD



Nguyễn Hưng Cường



[Handwritten signature]